

LỜI NGUYỀN TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

Phan Thị Hồng Giang
Trường Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

“Nguyền” là một hành vi tín ngưỡng nhằm tạo lớp vỏ tâm linh để bảo vệ một đối tượng nào đó, hoặc tạo ra cơ chế tự ràng buộc theo hướng trừng phạt khi bản thân người nói tự ý vi phạm điều mình thề nguyện. Trong quá trình lịch sử, lời nguyền dần trở nên phổ biến. Nó hiện diện ở nhiều phương diện đời sống với những chức năng, tính chất khác nhau, đôi khi vượt qua tính “thiêng”, trở nên phổ thông như một hành vi ngôn ngữ đời thường. Từ dữ liệu lịch sử, văn hóa và văn học, bằng phương pháp phân tích tư liệu, hồi cố, điền dã và các thủ pháp liên ngành, bài báo đã chỉ rõ bản chất, nguồn gốc, sự biểu hiện của lời nguyền trong văn hóa dân gian. Bài báo có đóng góp trên phương diện học thuật, góp phần phân tích, lý giải một hiện tượng văn hóa; đồng thời mang ý nghĩa thực tiễn định hướng hành vi giao tiếp theo lối thẩm mỹ và nhân văn.

Từ khóa: *Ma thuật; lời nguyền; văn hóa dân gian; tín ngưỡng; địa danh.*

Ngày nhận bài: 14/7/2020; Ngày hoàn thiện: 04/9/2020; Ngày đăng: 09/9/2020

CURSE IN VIETNAMESE CULTURE

Phan Thi Hong Giang
Hung Vuong University

ABSTRACT

"Curse" is a religious act aimed at creating a spiritual shell to protect a certain subject, or creating a mechanism of binding towards punishment when the speaker himself violates his vow. In the course of history, the curse gradually became popular. It is present in many aspects of life with different functions and characteristics, sometimes surpassing the "sacred", becoming popular as a daily life language. From historical, cultural and literary data and by methods of document analysis, retrospective, field methods and interdisciplinary tactics, the article specifies the nature, origin and manifestation of the curse in folklore. The paper has an academic contribution, contributing to the analysis and interpretation of a cultural phenomenon; simultaneously, it has practical meaning orienting communication behavior in aesthetic and humanistic manner.

Keywords: *Magic; curse; folk culture; belief; placename.*

Received: 14/7/2020; Revised: 04/9/2020; Published: 09/9/2020

1. Khái quát về lời nguyện

1.1. Khái niệm

Nguyện là một dạng thức thi hành tín ngưỡng bằng ngôn ngữ nhằm đem đến những ứng nghiệm ở tương lai cho mình hoặc người khác, với cả ý nghĩa ước mong hoặc trừng phạt. Sự linh nghiệm của lời nguyện được tạo bởi đức tin của người thi hành, thời điểm thi hành, các nghi lễ tâm linh kèm theo, sự chấp nhận của thần thánh...

Về thuật ngữ, “nguyện” mang ý nghĩa khái quát, được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu nhân học và lịch sử. Nó lại được cụ thể hóa thành nhiều hành vi như: trù, rửa, quờ, thề, nguyện... Tất nhiên, mỗi thuật ngữ có thể được dùng trong những hoàn cảnh khác nhau, gắn với đối tượng khác nhau và mang sắc thái biểu cảm khác nhau. Giữa “nguyện” và “rửa” và “thề” có sự phân biệt về đối tượng hướng đến, trong đó:

+ “Nguyện” hướng đến cả hai đối tượng là bản thân người nói và người khác (Ví dụ: 1- *Tôi nguyện sẽ giữ bí mật này đến cuối đời, nếu không trời tru đất diệt*; 2- *Nguyện cho ai vào lăng mộ này sẽ bị tai nạn đau thương...*)

+ “Thề” thường chỉ lời ước hẹn của bản thân, dùng lời nghiêm trọng mà ước hẹn điều gì, nếu không thực hiện đúng sẽ bị trừng phạt. Thề là nói chắc, hứa chắc một cách trịnh trọng, viện ra vật thiêng liêng hay cái quý báu nhất (như danh dự, tính mạng) để đảm bảo. (Ví dụ: *Tôi thề sống để bụng, chết mang đi, nếu sai sẽ bị thần linh trừng trị*).

+ “Trù” hướng đến đối tượng bên ngoài với ý nghĩa tiêu cực, nhằm đem đến những điều không may mắn, những tai ương, đau đớn trong tương lai. (Ví dụ: *Bà tiên trù ẻo công chúa mới sinh bằng những lời cay độc nhất*).

1.2. Bản chất và cấu trúc

Từ góc nhìn tôn giáo, “nguyện” vốn là một thực hành ma thuật - “*nghệ thuật thực hiện các hành động thông qua động tác, lời nói, thần chú mang tính huyền bí của thầy cúng*,

thầy pháp có khả năng giao tiếp với các lực lượng siêu nhiên để đạt được mục đích mong muốn” [1]. Lời nguyện vốn sinh ra trong môi trường tín ngưỡng, mang tính chất của một động tác ma thuật khi mà người ta vận dụng các yếu tố tâm linh để đem đến sự linh ứng theo ý nguyện. Tính chất “ma thuật giáo” của lời nguyện biểu hiện ở các khía cạnh:

+ Gắn với những mục đích đậm yếu tố tín ngưỡng như: Vũ khí để trấn yểm, góp phần tạo ra một lớp khóa vô hình mà đáng sợ, bảo vệ kho báu, nơi nuôi âm binh, thần giữ cửa; cánh cửa bảo vệ giấc ngủ vĩnh hằng cho các vua chúa; trừng phạt kẻ thù...

+ Quyền phép lớn lao, tính chất trừng phạt nặng nề, sự báo ứng đáng sợ: cái chết của một hay nhiều người, sự lui bại của cộng đồng, thế hệ, thiên tai, đại nạn...

+ Nghi thức thi hành phức tạp, bí ẩn, có sự kết hợp của các phép ma thuật giáo khác như trấn yểm, bùa ngải, vu thuật, cổ trùng...

+ Được thực hiện bởi những người có quyền pháp cao tay (pháp sư, phù thủy).

+ Sự tập trung tinh thần tối đa, niềm tin mãnh mẽ của người thực hiện lời nguyện rửa.

+ Sự chứng giám và chấp nhận của thế lực siêu nhiên.

+ Thường kèm theo điều kiện như để cân bằng phù phép thì người làm phép trừ phải nhận một hình phạt như giảm thọ, giảm đức, phải phụ chú vào đó một điều kiện để có thể giải lời nguyện đó.

Từ góc nhìn khoa học, lời nguyện được tạo ra chủ yếu từ hiện tượng trùng hợp. Một dòng họ nhiều người chết trẻ, một đoạn đường, eo biển dễ tai nạn, một hang sâu nguy hiểm, một đội bóng liên tục thất trận trước một đội bóng khác... đều có thể được khoác lên tấm áo uy linh mang tên “lời nguyện”. Hiện tượng này có thể do trùng khớp ngẫu nhiên, có thể do yếu tố tâm lý hoặc xuất phát từ nhân tố khách quan mà tại thời điểm nhất định, người ta không phát hiện, lí giải được.

Về mặt cấu trúc, thông thường, lời nguyện bao gồm hai mệnh đề điều kiện và kết quả, mang tính chất cảnh báo hoặc hứa hẹn. Ví dụ: *Nếu ai bước vào hang động, xâm phạm tới sự an tĩnh của thần linh, sẽ bị trừng phạt bằng một cái chết đau đớn; nếu tôi có lòng phản trắc, trời chu đất diệt, tuyệt tử tuyệt tôn*. Tuy nhiên, trong thực hành ngôn ngữ, đôi khi một mệnh đề bị lược bớt, ví dụ: *Tôi nguyện sẽ báo đáp (nếu không sẽ bị...)*. Bên cạnh đó, có những lời nguyện chỉ bao gồm một mệnh đề khẳng định, như một sự chửi rủa, trù ẻo về một tương lai bất hạnh sẽ đến với kẻ thù địch mà không cần điều kiện. Ví dụ: *Đến năm 18 tuổi, công chúa sẽ bị kim nhọn đâm vào tay và ngủ giấc vĩnh hằng*.

1.3. Phân loại

Hành động “nguyện” rất đa dạng, có thể phân loại theo những tiêu chí sau:

+ Xét theo đối tượng bị tác động: có lời nguyện cho người khác và lời nguyện cho chính mình. Nguyện cho người khác còn gọi là *trù, quở, rủa, chửi thề* (mang ý nghĩa mang đến tai họa), nguyện cho mình còn gọi là *thề, nguyện* (thể hiện mong muốn, ý chí quyết tâm, lấy những tai ương sẽ xảy ra trong tương lai làm sự xác tín). Ở góc độ khác, có thể phân thành lời nguyện của cá nhân và lời nguyện của cộng đồng (hướng đến các thành viên trong nội bộ cộng đồng ấy và hướng tới cộng đồng khác).

+ Xét theo tính chất: có lời nguyện làm hại, trừng phạt (ví dụ: nguyện cho kẻ xâm phạm giấc ngủ Pharaon sẽ bị quả báo bằng cái chết, nguyện kẻ thù thân bại danh liệt, chết đường chết chợ, tuyệt tử tuyệt tôn...) và lời nguyện ước nguyện tử tế (Ví dụ: nguyện suốt đời ăn chay niệm Phật, kiếp sau đền đáp...).

+ Xét theo thời gian tác động: có lời nguyện hiệu lực ngay tức khắc và có lời nguyện có hiệu lực về sau, thậm chí là sang kiếp khác.

+ Xét theo tính chất “thiêng”, có lời nguyện mang đậm màu sắc tâm linh và lời nguyện trong giao tiếp đời sống (đôi khi chỉ bột phát

bằng một câu nói, không có nghi lễ ma thuật kèm theo, trong tâm niệm của người nói câu nguyện ấy tương ứng với hành vi mật sát, chửi mắng mà không hướng đến việc điều mình nói có thành sự thật hay không).

1.4. Sự phổ biến trên thế giới

Lời nguyện hiện diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, pháp luật, quân đội, tôn giáo và đời sống thường ngày của người dân ở hầu hết các quốc gia dân tộc trong hành trình lịch sử nhân loại. Để bảo vệ giấc ngủ vĩnh hằng của người đã khuất, trong lăng mộ Pharaon, vua chúa, quan lại, quý tộc, lãnh chúa... thường có dấu ấn của những lời nguyện. Đó là sự đe dọa, nhưng cũng là yếu tố kích thích đối với giới khảo cổ và những người thích khám phá lịch sử thế giới cổ đại khi đánh cược tính mạng để “xâm phạm lời nguyện”.

Trong phần kết luận của luật Hammurabi - bộ luật thành văn cổ nhất của lịch sử thế giới cổ đại, vua Hammurabi kêu gọi những ông vua kế tục đền ơn và thực hiện những nội dung của điều luật: *“Từ nay cho đến ngàn vạn đời sau, các vua trong nước phải tuân theo những lời chính nghĩa của trẫm đã khắc trên cột đá của trẫm, không được thay đổi việc xét xử tư pháp do trẫm đã quyết định và việc thẩm tra tư pháp do trẫm đã xác lập, không được phá hoại những chế độ do trẫm đặt ra. Nguyện thần trời đất vĩ đại, tất cả Anunác, thần bảo hộ các đền miếu hãy cùng nhau dùng những lời trù đáng sợ để nguyện rủa bản thân người đó, nguyện rủa con cháu của người đó... Nguyện thần Enlin hãy dùng lời vàng ngọc của mình lớn tiếng nguyện rủa người đó, và tước khắc làm cho sự nguyện rủa của ngài giáng lên người đó”* [2]. Lời nguyện của vua Hammurabi không chỉ khẳng định công lao của nhà vua mà còn mong muốn bộ luật sẽ được thực thi nghiêm chỉnh.

Lời nguyện khiến cho nhiều địa danh, nhân vật, và sự kiện lịch sử trở nên nổi tiếng, tiêu biểu nhất là lời nguyện Tecumseh gắn với số phận của các đời Tổng thống Mỹ – những

người nhậm chức vào những năm có kết thúc là số 0. Trong vòng 152 năm liên tiếp, kể từ cái chết của tổng thống William Henry Harrison (qua đời năm 1841, sau khi trúng cử năm 1840), cứ 20 năm lại có một tổng thống Mỹ chết khi đang tại nhiệm. Từ năm 1980, khi Tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ Ronald Wilson Reagan sống sót sau vụ ám sát (xảy ra vào ngày 69 sau khi ông nhậm chức), lời nguyện được xem là được phá bỏ, để rồi sau đó, George W. Bush dù trúng cử vào năm 2000, nhưng cũng đã bình an đi qua hai nhiệm kỳ [3].

Lời nguyện không chỉ gắn với những đẳng cấp cao quý trong xã hội, mà còn hiện diện sinh động trong cuộc sống hàng ngày của thường dân. Trong văn hóa Ấn Độ, đối với kẻ thù, người Hindu thường nguyện rửa tên gọi của họ bằng cách cho các thầy tu làm bùa phép, lấy tên bắn vào cái cây có tên của kẻ thù để khiến cho họ bị thương hay bệnh tật, đổ nước sôi vào con sông hay dòng suối có cùng tên với nạn nhân để gây những khó khăn trong cuộc sống của anh ta/ cô ta. Vào năm 2013, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một tấm bảng khắc lời nguyện hơn 1700 năm tuổi trong một khu nhà La Mã ở thành phố David, Jerusalem – nơi con người đã sinh sống ít nhất từ 6000 năm nay. Lời nguyện được viết bằng tiếng Hy Lạp, của một phụ nữ tên Kyrilla, hướng đến đối tượng bị nguyện rửa là Ienny: “Ta đánh xuống và đóng đinh lưỡi, đôi mắt, con giận dữ, sự chống đối của Ienny” [4]. Cho đến nay, từ phương Đông đến phương Tây, những “bí kíp” lời nguyện và phương thuật xóa bỏ lời nguyện vẫn được truyền tai rộng rãi, tạo thành những cộng đồng lớn, liên khu vực khi có sự hỗ trợ của mạng xã hội.

2. Cách thức thiết lập và phá vỡ lời nguyện

Là quốc gia phương Đông thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp, Việt Nam có đời sống tâm linh đa dạng, phong phú. Người Việt tự duy kinh nghiệm, cảm tính và ứng xử theo hướng sùng bái lực lượng siêu nhiên; tin

tưởng, ngưỡng vọng và “thần hóa” những hiện tượng không thể giải thích. Đây cũng là cơ sở để tôn giáo, tín ngưỡng nói chung, ma thuật nói riêng phát triển mạnh mẽ. Và những lời nguyện cũng không xa lạ với phần đa những người trưởng thành, dù có thể chỉ là điều “nghe nói”.

Như đã trình bày, lời nguyện trước hết là một hành vi tín ngưỡng, một dạng thức ma thuật có từ thời cổ đại và phổ biến trên thế giới. Sức mạnh của nó nằm ở tính thiêng, ở khả năng linh ứng. Để có khả năng linh ứng ấy, cần những điều kiện nhất định về yếu tố ngoại cảnh, tâm lý và nghi thức ma thuật.

* Yếu tố ngoại cảnh:

Khi thờ, nguyện, một trong những yếu tố tạo ra sự linh nghiệm là sự chứng giám của đấng siêu nhiên: trời, đất, nước, tinh tú, thần phật... Trong đó, các yếu tố tự nhiên được sử dụng rộng rãi hơn cả. Điều này phổ biến ở nhiều nền văn hóa. Ví dụ, ở Hy Lạp có dòng sông Styx tương truyền là lối đi vào cõi hoàng tuyền. Mọi người tin rằng dòng sông này bao quanh thế giới của Hades - vị thần cai trị địa ngục 7 vòng. Đây cũng là nơi thần Zeus kiểm tra sự ngay thẳng của các vị thần dưới quyền mình. Khi kiểm tra những người nói dối, Zeus sẽ yêu cầu họ uống nước sông. Nếu gian dối, họ sẽ bị câm và không còn khả năng di chuyển trong vòng một năm. Để bảo toàn tính mạng, họ bắt buộc phải nói mọi sự thật. Do đó, sông Styx cũng được coi là nơi thể hiện sự cam kết của lời thề. Ở Việt Nam, đất trời – biểu tượng của đấng siêu nhiên, luôn được coi là “người chứng giám” cho những lời nguyện: *Trời cao đất rộng/ Em vọng lời nguyện/ Đất trời còn đó/ Em giữ tuyền thủy chung (Ca dao)*. Thành ngữ “vạch trời chỉ đất” chỉ hành động cố gắng chứng minh sự trong sạch trước đất trời – thể lực chứng kiến tất cả mọi việc nơi trần thế và tâm can con người. Ngoài ra, lời nguyện sẽ linh thiêng hơn, khi nói trước thần linh, tổ tiên, người đã mất... trong những không gian tâm linh đặc biệt (đền, chùa, rừng thiêng, hang động, ban thờ, mộ...).

** Trạng thái của người đưa ra lời nguyện*

Hoàn cảnh, trạng thái tinh thần của người đưa ra lời nguyện góp phần tạo ra tính linh ứng của lời nguyện ấy. Trong những tình huống đời sống thông thường, ít ai nói lời nguyện tùy tiện. Một số trạng thái tinh thần đặc biệt dễ khiến người trong cuộc thốt lên lời nguyện (thề, rủa...) như: Trước lúc chết mà vẫn còn oan ức; tinh thần bị dồn nén tới độ vì tức giận, đau đớn, oan khiên... Trong số đó, lời nguyện trước khi chết là phổ biến hơn cả, được nhắc đến nhiều trong truyền thuyết, tích truyện, dã sử (như lời nguyện cay đắng của vua Lí Huệ Tông trước lúc bị bức tử, lời nguyện hóa giải oan khiên của công chúa Mị Châu trước khi bị An Dương Vương chém đầu, lời nguyện của nàng Vũ Nương vì bị kịch “chiếc bóng”...). Hoàn cảnh nghiệt ngã là nhân tố khiến người trong cuộc buông lời nguyện (mà không cần hỗ trợ của động tác ma thuật hay pháp sư quyền phép nào). Sức mạnh tâm linh, trong trường hợp này, được làm nên bởi sự dồn nén tinh thần cao độ và tính thiêng của cái chết. Tính thiêng ấy, lại được cảm nhận chủ quan từ niềm tin của hậu thế, nghĩa là, có thể lời nguyện chưa được kiểm chứng, nhưng chỉ cần nghe huyền thoại về nó, về hoàn cảnh đặc biệt mà nó ra đời, người ta đã đủ kính sợ, đôi khi “tự huyền hoặc” về điều linh nghiệm.

** Nghi thức, động tác thiêng*

Bản chất lời nguyện là một hành động ma thuật, do vậy, tính linh nghiệm của nó được làm nên bởi sự tổng hợp giữa các yếu tố thiêng như ngôn ngữ ma thuật, động tác ma thuật, dụng cụ ma thuật... Khi đưa ra lời nguyện, cùng với sự thành tâm, trạng thái tập trung tinh thần, dồn nén cảm xúc cao độ, người ta còn có những động tác, nghi thức làm tăng tính thiêng như: Cắt tóc; chặt, chém, ném một vật thể nào đó, chỉ thẳng tay vào mặt; chỉ trời, nước; thắp hương; cắt tay lấy máu... Những hành động đó đều mang ý nghĩa nhất định như: gọi sự chứng giám của đất trời, lấy một phần cơ thể linh thiêng như một cách đánh cược tính mạng (máu, bàn tay,

tóc – nơi có hồn vía), hành động biểu tượng cho sự dứt khoát, quyết tâm [5].

Song song với quá trình tạo ra lời nguyện, còn có nỗ lực xóa bỏ lời nguyện. Về mặt tính chất, có những lời nguyện “không gây hại”, chỉ ứng vào bản thân người nói (như lời nguyện Mị Châu, Vũ Nương...), còn lại, chiếm tỉ lệ nhiều hơn, là những lời nguyện trừng phạt ứng vào một hoặc nhiều người khác, thậm chí nhiều thế hệ. Nó hiện diện trong những địa danh, những truyền thuyết, những mối quan hệ hàng ngày khiến hậu thế kinh sợ hoặc những người liên quan nghi kỵ lẫn nhau. Phép “phá lời nguyện” bao gồm nhiều nghi thức ma thuật, được thực hiện bởi thầy pháp cao tay, hoặc đôi khi, chỉ được thực hiện bởi chính người đã tạo ra nó. Đối với người Tày, Nùng, nghi thức phá bỏ lời nguyện trở thành một phong tục, ngôn ngữ địa phương gọi là *Kẻ pác cẳm*. Nghi lễ này áp dụng cho nhiều hoàn cảnh: giải lời nguyện của người khác hướng về mình và giải lời nguyện mà mình từng nói với người khác; giải lời nguyện do mâu thuẫn giữa những người đang sống và giải cho cả những người đã ở cõi âm... Nghi lễ bao gồm một số hành động biểu tượng như cắt mảnh sành (đại diện cho lời độc địa), làm thuyền bẹ chuối chở điều rủi ro ra sông biển, cắt nút dây (đại diện cho những mâu thuẫn được xóa bỏ) [6]... Như vậy, nghi lễ này không chỉ có ý nghĩa tâm linh mà còn có ý nghĩa đạo đức, hướng đến việc xóa bỏ những lời ác, suy nghĩ ác đã và đang hiện hữu trong con người, để lương tâm được thanh thản. Đồng bào còn làm lễ xóa lời nguyện cho những người ốm sắp qua đời, như một cách gọi rửa mọi vắn vương, hận thù trước khi sang bên kia thế giới.

Trong ứng xử hàng ngày, người Việt vẫn duy trì những phương cách đơn giản, mang ý nghĩa bảo vệ bản thân (hoặc trẻ nhỏ) khỏi những lời “quở quang” như đốt vía, cắt sợi chỉ buộc tay, ăn cơm cháy (ở phương Tây, để bảo vệ bản thân khỏi “lời nguyện mất quý”, người dân thường nhỏ nước bọt hoặc đeo bùa

hộ mệnh hình con mắt). Ngay cả khi bản thân chủ động nói ra những điều có thể đem lại rủi ro (khen ngợi một đứa trẻ, đưa ra tình huống xấu), người Việt cũng chủ động hóa giải bằng các từ “phép” như “trộm vía”, “trộm bóng”, “nói bỏ sông bỏ bể”... Đó vừa là hành động tín ngưỡng, vừa là sự tinh tế trong giao tiếp.

3. Một số dấu ấn trong văn hóa dân gian

Là một hiện tượng văn hóa, tín ngưỡng đặc biệt, lời nguyện để lại những dấu ấn đậm nét trong lịch sử và các thành tố văn hóa dân gian. Cũng như trên thế giới, ở Việt Nam, có nhiều địa danh nổi tiếng vì mang “lời nguyện”. Ví dụ điển hình là truyền thuyết về Chùa Keo (làng Hành Thiện, xã Nam Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định) – ngôi chùa nổi tiếng vì không có sư trụ trì suốt hàng ngàn năm do lời nguyện của Thiền sư Không Lộ. Tương truyền, khi Thiền sư Không Lộ dựng nên chùa, dân chúng nơi đây không mấy mặn mà với đạo Phật, hồ hững khó nhang. Trong một đêm mưa gió bão bùng, Ngài đan rất nhiều rọ tre, cho tất cả tượng Phật vào đó, rồi ngả nón làm thuyền vượt sông Hồng sang đất Thái Bình. Đến giữa sông, Thiền sư ngoảnh cổ lại và nói một lời nguyện rằng sẽ không có vị sư nào đến ở ngôi chùa trên... Cho đến tận bây giờ, lời nguyện ấy vẫn ứng nghiệm, làm cho tích chuyện thêm phần kỳ bí. Ngoài ra còn có “truyền thuyết” về lời nguyện núi Cẩm (An Giang), lời nguyện “chia tay” gắn với 6 địa danh ở Đà Lạt, lời nguyện dòng sông Ma kỳ bí ở Vị Xuyên, Hà Giang...

Lời nguyện cũng hiện diện trong hương ước cổ và phong tục làng xã - thành trì văn hóa của người Việt, nơi sự cố kết cộng đồng trở thành sức mạnh vô hình, cơ sở nền tảng để tồn tại. Để duy trì sức mạnh ấy, trong nhiều trường hợp, dân gian đã dùng đến lời nguyện. Theo nhiều tài liệu lịch sử, hương ước làng xã có liên quan mật thiết đến những hội thề thắm đẫm màu sắc tâm linh từ thời cổ đại và kéo dài sang thời kỳ trung đại. Ở đó, dân làng, đặc biệt là chức sắc phải tập hợp lại, thực hành nghi lễ tâm linh nhất định như uống rượu,

uống máu, cắt tóc, đốt hương, sau đó đọc lời thề khảng định sự trung thành và tôn trọng quy ước làng xã, nếu ai vi phạm, sẽ bị trừng phạt. Hội thề dân gian, một thành tố của văn hoá dân gian có một sức sống mãnh liệt. Một số khoán ước, hương ước ghi chép khá cụ thể, sinh động về tục thề, lễ thề dân gian nơi làng xã. Ví dụ, làng Trang Liệt, Tiên Sơn, Bắc Ninh từng duy trì tục uống máu ăn thề với các điều sau:

1. Người nào bỏ thuốc độc trong giếng, xin Đại vương đánh chết.
2. Người nào chặt trộm gỗ trong làng, xin Đại vương đánh chết.
3. Người nào lấy đồ vật ở văn chỉ, văn tổ, đình, đền chùa hoặc mang đi chỗ khác, xin Đại vương đánh chết.
4. Người nào bắt trộm hoặc mang đi địa phương khác của cái, khí vật, gia súc, xin Đại vương đánh chết.
5. Ruộng công, tư có thể khai, có thể giữ thì giữ. Người nào tự ý khai, giữ hoặc khoét bờ, lấn ruộng, xin Đại vương đánh chết.
6. Xã lấy đồng làm nghề, kẻ nào nấu trộm hoặc dạy nghề cho người ngoài, xin Đại vương đánh chết, xin thề! [7].

Nghiên cứu về lễ thề của người Việt, các tác giả cuốn *Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam với luật làng Kanto Nhật Bản thế kỉ XVIII- XIX* đã nhận xét: “Có thể thấy, tục thề hay hội thề của người Việt là một hình thức của tục lệ cổ xưa, từng đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng nhằm củng cố cộng đồng làng xã người Việt (...) Do mục đích của các lễ thề, hội thề không giống nhau chúng được tiến hành trong những điều kiện rất khác nhau, nên nghi thức cũng có nét khác biệt. Song có nét chung dễ nhận thấy, những người tham dự hội thề đều cùng uống máu một con vật hoà với rượu, cùng đọc lời thề. Các lễ thề mang tính duy tâm, mượn thần linh chứng giám hành động của con người. Tuy nhiên, nếu gạt bỏ tính duy tâm, các lễ thề, hội thề đều đạt giá trị nhất định trong thực tế. Ở đó danh dự

và lòng tự trọng của con người đều được đề cao khuyến khích. Lễ thẻ nhằm cố kết lòng người nhằm bảo vệ cộng đồng làng nước” [8].

Hội thẻ dân gian chính là một trong những yếu tố cơ bản hình thành hương ước, lệ tục. Trong quá trình phát triển sau này, hành động thẻ nguyên gắn với tâm thức, lý trí cộng đồng còn xuất hiện ở nhiều tình huống khác nhau của đời sống làng xã. Công cuộc mưu sinh trên sông nước với những may rủi mang tính chất sống còn tạo nên một nền tín ngưỡng ngư nghiệp cực kỳ đa dạng và nghiêm chặt. Lời nguyện “không cứu người bị nạn trên sông” như một cách thể hiện lòng tôn kính đối với thần hà bá được nói đến trong nhiều huyền thoại, lời kể của các nhân chứng sống và cũng từng được tái hiện trong các tác phẩm văn học nghệ thuật. Cũng bởi phương thức mưu sinh, phong tục tập quán khác biệt và những ác cảm trước lời nguyện “không cứu người bị nạn”, khoảng cách giữa làng nông nghiệp và làng chài lưới trở nên xa dần, thậm chí trở thành tâm lý mặc cảm, thù địch. Kéo theo đó là những lời nguyện mang tính chất tuyệt giao như không lên bờ, không táng người chết trên đất liền.

Trong mối quan hệ giữa hai làng nông nghiệp, cũng tồn tại những lời nguyện với mục đích gắn kết (kết chạ) hoặc tuyệt giao (hai làng không quan hệ, không cho con trai con gái lấy nhau). Điển hình cho lời nguyện tuyệt giao quan hệ có làng Cổ Loa và Dục Tú (Đông Anh, Hà Nội), xuất phát từ truyền thuyết mâu thuẫn phân chia lãnh thổ; làng Đồng Kỵ và Trang Liệt (Từ Sơn, Bắc Ninh), làng Kê Giai và Kê Ao (Phúc Thọ, Hà Nội) xuất phát từ truyền thuyết mâu thuẫn vợ chồng... Trong nội bộ làng xã lại có lời nguyện giữa các dòng họ, trong một dòng họ hay ngay trong gia đình khi có những mâu thuẫn, đối chọi quyết liệt với các hình thức: nguyện tuyệt đường con cái, tiền đồ lui bại, chết nơi đường chợ...

Văn học dân tộc và một số loại hình nghệ thuật dân gian mang những dấu ấn đậm nét của lời nguyện: *Mồng bốn cá đi ăn thẻ / Mồng*

tám cá về, cá vượt Vũ môn. Trong cổ tích Tấm Cám, khi năm lần bảy lượt bị mẹ con dì ghẻ hãm hại, Tấm (trong hóa thân xoan đào) nguyên rủa: *Kèo cà kèo kẹt/ Lầy tranh chồng chị/ Chị khoét mắt ra.* Công chúa Mị Châu (Truyền thuyết *An Dương Vương xây thành Cổ Loa*) trước khi bị Vua cha chặt đầu vì vô tình gây họa mất nước, đã quỳ xuống lạy cha và nói lời nguyện: *“Oan cho con lắm. Nếu con là kẻ bất trung có lòng hại cha, khi chết, thân xác con sẽ biến thành tro bụi. Bằng không hóa thành ngọc, thành đá trôi về hầu cha”.* Nàng Vũ Nương (Truyền kỳ mạn lục, Nguyễn Dữ) lấy lời nguyện để chứng minh cho sự trong sạch của mình trước khi trầm mình tuần tiết: *“Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.* Văn học trữ tình cũng ghi lại nhiều lời thẻ nguyện, mà lãng mạn, đa diết nhất phải kể đến Thẻ non nước:

*“Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thẻ xưa.
Non cao đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi”*

(Tản Đà)

Một số loại hình văn nghệ dân gian trở nên hấp dẫn hơn khi được khoác lên mình lời nguyện như hát Dô và Quan họ. Hát Dô là thể loại dân ca nghi lễ, hình thành và phát triển ở xã Liệp Tuyết (huyện Quốc Oai, Hà Nội); gắn với tín ngưỡng thờ Đức Thánh Tản Viên. Theo lời nguyện, hội hát Dô 36 năm mới được tổ chức một lần. Người con gái chỉ được hát duy nhất một lần trong đời, nếu vi phạm, thậm chí sẽ phải chết. Lời nguyện còn được ghi nhớ bằng thơ dặn dò hậu thế: *“Con hát tuổi hạn hai mươi/Nếu qua độ ấy thì thôi hát hò/Bao giờ đến hội hát Dô/Thì còn phải kiếm gái tơ chưa chồng”.* Lời hát Quan họ Kinh Bắc cũng đa

diệt hơn, khi những liên anh liên chị giao duyên, đối đáp, tha thiết nhắn nhủ “Người ở đừng về”, song thâm tâm đều hiểu lời nguyện: người quan họ không thể lấy nhau.

4. Kết luận

Lời nguyện là hiện tượng “ma thuật giáo” xuất hiện ở nhiều nền văn hóa trong suốt hành trình lịch sử nhân loại với những dạng thức đa dạng. Ở Việt Nam, dấu ấn của những lời nguyện hiện diện trên nhiều phương diện văn hóa dân gian như địa danh, nghi lễ, phong tục làng xã, văn học và nhiều loại hình nghệ thuật. Ngoài mục đích tâm linh ban đầu (bảo vệ, trừng phạt, giải oan, giải tỏa sự căng thẳng tâm lý...), lời nguyện còn mang nhiều ý nghĩa thứ phát. Huyền thoại lời nguyện có thể khiến một địa danh, nhân vật lịch sử hay điệu hát dân ca trở nên linh thiêng, li kì, hấp dẫn hơn, nhưng nó cũng là một trong những yếu tố gây xung đột sâu sắc (nếu mang mục đích nguyện rửa, hãm hại kẻ thù). Trong thực hành ngôn ngữ, hiện tượng sử dụng lời nguyện một cách tùy tiện (còn gọi là chửi thề) cũng là vấn đề cần được bàn đến ở góc độ giáo dục, định hướng hành vi giao tiếp. Chúng tôi sẽ bàn đến nội dung này trong những nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. T. H. Nguyen, “Magic - Identification and research in anthropology,” *Journal of Religious Studies*, vol. 135, no. 9, pp. 60-76, 2014.
- [2]. G. P. Nguyen, *Ancient world history*. Education Publishing House, 2005.
- [3]. T. H. Do, *Indian customs and practices*. Hanoi National University Publishing House, 2012.
- [4]. T. S. L. Nguyen, “Some magic practices in folk,” *Journal of Vietnamese Cultural Studies*, vol. 183, no. 3, pp. 52-57, 2019.
- [5]. H. Phan, “1700 years old magic curse mark found,” *Dantri.com*, 30/10/2013. [Online]. Available: <https://dantri.com.vn/van-hoa/tim-thay-but-tich-loi-nguyen-ma-thuat-1700-nam-tuoi-1383513058.htm>. [Accessed May 15, 2020].
- [6]. T. M. Trieu, “Ke pac cam – Dissolving curse ritual of Tay, Nung people,” *Quehuonline.vn*, January 11, 2019. [Online]. Available: <https://hoivanhocnghethuat.bac.kan.gov.vn/Pages/van-hoa-dan-gian-525/tuc-giai-han-ke-pac-cam-962f31e4eb1d86b2.aspx>. [Accessed May 05, 2020].
- [7]. D. D. Phan, *Vietnamese village, pluralistic and coherent*. Hanoi National University Publishing House, 2006.
- [8]. D. M. Vu, and M. L. Hoang, *The village convention on Northern Vietnam village with Japanese Kanto village law of the eighteenth-nineteenth centuries*. Institute of History, Hanoi, 2001.